

Số: /QĐ-HĐTSCQ

Hà Tĩnh, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1, năm 2026

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 19/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hà Tĩnh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-TĐHHT ngày 20/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-TĐHHT ngày 03/02/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh hệ đào tạo chính quy năm 2026;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh hệ đào tạo chính quy năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1, năm 2026 (có văn bản kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Hội đồng tuyển sinh hệ chính quy năm 2026, các đơn vị trực thuộc và các thí sinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BGH;
- Lưu: VT, HĐTS.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG
Đoàn Hoài Sơn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐỢT 1, NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐTSCQ ngày /8/2026
của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Hà Tĩnh)

TT	Tên ngành/chương trình đào tạo	Mã xét tuyển	Điểm trúng tuyển theo các phương thức					
			Thi TN THPT (gốc)	Kết quả học tập THPT	ĐGNL ĐHQG TPHCM	ĐGNL ĐHQG Hà Nội	ĐGTD ĐHBK Hà Nội	ĐGNL ĐHSP Hà Nội
1.	Giáo dục Mầm non	7140201	23.18	23.18				
2.	Giáo dục Tiểu học	7140202	24.43	26.43	962.19	100.80	61.92	19.07
3.	Sư phạm Toán học	7140209	A00: 25.50 A01: 24.75 A02: 24.75 X06: 24.75 X10: 24.75 X26: 24.75	27.50	904.00	96.75	59.99	20.00
4.	Sư phạm Tin học	7140210	A00: 23.18 A01: 22.43 C01: 22.43 X02: 22.43 X06: 22.43 X14: 22.43 X26: 22.43	25.18	776.00	82.49	53.05	16.73
5.	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	24.87	26.87	976.71	103.66	63.79	19.72

6.	Quản trị kinh doanh	7340101	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
7.	Quản trị thương mại điện tử	7340101	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
8.	Quản trị logistics	7340101	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
9.	Tài chính - Ngân hàng	7340201	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
10.	Kế toán	7340301	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
11.	Luật	7380101	20.00	22.00	762.00	73.00	47.52	13.95
12.	An toàn, sức khỏe và môi trường	7440301	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
13.	Công nghệ thông tin	7480201	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
14.	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	7580201	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
15.	Tin học xây dựng	7580201	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
16.	Nông nghiệp công nghệ cao	7620110	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
17.	Thú y	7640101	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
18.	Ngôn ngữ Anh	7220201	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
19.	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05
20.	QTĐV Du lịch và Lữ hành	7810103	15.00	18.00	513.00	50.00	33.42	9.05

Ghi chú: 1. Đối với ngành Giáo dục mầm non, điểm kết quả học tập cấp THPT (điểm học bạ) được quy đổi tương đương bằng 95% điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của 01 môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển; Thí sinh xét tuyển ngành Giáo dục mầm non phải đạt, M00: Toán+Văn+ưu tiên*2/3>=13.34, M01: Văn+ưu tiên/3>=6.67, M09: Toán+ưu tiên/3>=6.67

2. Đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành Luật với các phương thức xét không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT:

2.1. Thí sinh tốt nghiệp năm 2026, phải có kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,50 trở lên.

2.2. Thí sinh tốt nghiệp năm 2025 trở về trước, kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

2.3. Đối với ngành Luật, thí sinh phải đạt ở mục 2.1, 2.2 và tổng điểm môn Toán và Văn ≥ 12 điểm.

3. Đối với điểm ĐGNL, ĐGTD, điểm xét tuyển được lấy theo tổ hợp xét tuyển của ngành.

4. Đối với các ngành ngoài sư phạm và Luật, thí sinh phải có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.